

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊU CẦN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 134/2023/DSST

Ngày: 04-7-2023

*V/v Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi
và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Châm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Khêm;

Ông Nguyễn Văn Bé.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Sơn Thị Hoa Lan**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiêu Cần, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Hoàng Danh**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 7 năm 2023, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiêu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 76/2022/TLST-DS, ngày 17-10-2022; về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hụi và thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 234/2023/QĐXXST-DS, ngày 26-5-2023; Thông báo dời lịch xét xử vụ án dân sự số: 10TB-TA ngày 26-6-2023, giữa:

Nguyên đơn: Bà Thạch Thị Kh, sinh năm 1966; Địa chỉ: Ấp Tân Đ, xã Hiếu T, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn:

1. Bà Hà Mộng L, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (vắng mặt);

2. Ông Thạch Ma N, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (đã chết);

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Thạch Ma N:

1. Bà Hà Mộng L, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (vợ ông Ma Na, vắng mặt);

2. Chị Thạch Nhung B, sinh năm 2000; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (con ông Ma Na, vắng mặt);

3. Thạch Hà Nhật T, sinh năm 2010; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (con ông Ma Na, vắng mặt);

Người đại diện hợp pháp của Thạch Hà Nhật T: Bà Hà Mộng L, sinh năm 1974; Địa chỉ: Ấp Ô Tr, xã Hiếu T, huyện TC, tỉnh Trà Vinh (là mẹ ruột, vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện trong quá trình giải quyết nguyên đơn bà Thạch Thị Kh trình bày:

Ngày 24/11/2019, bà có tham gia dây hui số 26 do bà Hà Mộng L và ông Thạch Ma N làm chủ hui, hình thức tham gia góp hui được thỏa thuận như sau: Loại hui 5.000.000 đồng, chỉ thỏa thuận bằng lời nói không có làm văn bản, chủ hui có giao danh sách hui viên cho bà (danh sách tên Út Khia), có 15 phần, huê hồng đầu thảo hưởng 1.500.000 đồng/lần hót, nửa tháng khai 01 lần; sau khi hót hui chủ hui có trách nhiệm gom tiền của hui viên rồi giao cho người trúng thăm hót hui, dây hui đã khai đến lần thứ 11, ở lần khai thứ 12 chủ hui úp hui, cụ thể:

Lần 01: Thạch Thị S (2 Sên) bỏ thăm 1.500.000 đồng, bà đóng hui sống 3.500.000 đồng;

Lần 02: Thạch Thị Sa R (2 Ranl) bỏ thăm 3.420.000 đồng, bà đóng hui sống 1.580.000 đồng;

Lần 03: Sơn Thị Sa Vg (Sa Vương) bỏ thăm 3.700.000 đồng, bà đóng hui sống 1.300.000 đồng;

Lần 04: Thạch Thị Ch (6 Chên) bỏ thăm 3.600.000 đồng, bà đóng hui sống 1.400.000 đồng;

Lần 05: Thạch Thị Sa T (K Điếp) bỏ thăm 3.930.000 đồng, bà đóng hui sống 1.070.000 đồng;

Lần 06: Thạch Thị Pê Ph (Pha) bỏ thăm 3.390.000 đồng, bà đóng hui sống 1.610.000 đồng;

Lần 07: Đỗ Thị H (Hạnh) bỏ thăm 3.800.000 đồng, bà đóng hui sống 1.200.000 đồng;

Lần 08: Thạch Thị T (Tem) bỏ thăm 3.500.000 đồng, bà đóng hui sống 1.500.000 đồng;

Lần 09: Thạch Thị Sâm N (Nàng) bỏ thăm 3.160.000 đồng, bà đóng hui sống 1.840.000 đồng;

Lần 10: Thạch Thị S (2 Sên) bỏ thăm 3.870.000 đồng, bà đóng hui sống 1.130.000 đồng;

Lần 11: Thạch Thị Sêne (2 Sên) bỏ thăm 2.450.000 đồng, bà đóng hui sống 2.550.000 đồng;

Ở lần khai thứ 12 bà L và ông Ma N úp hui, qua đối chiếu sổ sách với chủ hui, ở dây hui số 26 bà đóng 11 lần hui sống bằng 17.680.000 đồng, sau khi úp hui bà L có trả trước cho bà bằng 2.000.000 đồng, bà đồng ý cản trừ lại, sau khi cản trừ bà L còn nợ lại bà bằng 15.680.000 đồng.

Trước đây bà có tham gia góp hui của bà L ở 02 dây hui gồm:

Dây số 03, loại hui 5.000.000 đồng, mở ngày 12/3/2015, bà bỏ thăm hót hui ở lần khai thứ 08, sau khi hót hui bà đóng hui chết đến mãn hui rồi chủ hui

mới cho bà tham gia dây hui khác, bà không còn nợ tiền hui chết của bà L bằng 35.000.000 đồng như bà L trình bày, nên bà không đồng ý trả.

Dây số 04, loại hui 5.000.000 đồng, mở ngày 12/3/2014, bà bỏ thăm hót hui ở lần khui thứ 05, sau khi hót hui bà có đóng hui chết đến mãn hui rồi chủ hui mới cho bà tham gia dây hui khác, bà không còn nợ tiền hui chết của bà L bằng 40.000.000 đồng như bà L trình bày, nên bà không đồng ý trả.

Nay bà Kh yêu cầu bà Hà Mộng L và hàng thừa kế của ông Thạch Ma N (đã chết) trả cho bà 11 lần hui sống đã sống bằng 15.680.000 đồng (Loại hui 5.000.000 đồng, mở ngày 24/11/2019, dây số 26), không yêu cầu tính lãi.

Bà Thạch Thị Kh có đơn xin vắng mặt.

Tại bản tự khai ngày 27/02/2023 bà Hà Mộng L trình bày:

Ngày 24/11/2019, bà có tổ chức khui dây hui số 26, loại hui 5.000.000 đồng, có 16 phần, nửa tháng khui 01 lần, hui hồng đầu thảo hưởng 1.500.000 đồng/lần hót, bà Kh tham gia 01 phần và đóng 11 lần hui sống bằng 17.680.000 đồng.

Ngày 17/3/2020, bà có tổ chức khui rất nhiều dây hui, loại hui 5.000.000 đồng, có 15 phần, nửa tháng khui 01 lần, huê hồng đầu thảo hưởng 1.500.000 đồng/lần hót, bà Kh tham gia dây hui số 67, 69, hui đã khui đến lần thứ 04, ở lần khui thứ 05 bà úp hui, cụ thể: Dây hui số 67, bà Kh đóng hui sống bằng 10.650.000 đồng; Dây hui số 69, bà Kh đóng hui sống bằng 10.510.000 đồng.

Ngày 09/01/2020, bà có tổ chức khui dây hui số 29, loại hui 5.000.000 đồng, có 15 phần, nửa tháng khui 01 lần, hui hồng đầu thảo hưởng 1.500.000 đồng/lần hót, bà Kh tham gia 01 phần và đóng được 08 lần hui sống bằng 13.950.000 đồng.

Tổng cộng 04 dây hui trên bà nợ bà Kh bằng 52.790.000 đồng.

Ngoài ra bà Kh còn tham gia của bà 02 dây hui cụ thể:

Dây số 03: Mở ngày 12/3/2015, loại hui 5.000.000 đồng, hui vụ, bà Kh hót hui ở lần thứ 07, sau khi hót hui bà Kh không có đóng hui chết, bà choàng hui thay cho bà Kh từ lần khui hui thứ 08 đến lần thứ 15 (mãn hui) là 07 lần x 5.000.000 đồng bằng 35.000.000 đồng.

Dây số 04: Mở ngày 12/3/2014, loại hui 5.000.000 đồng, hui vụ, bà Kh hót hui ở lần thứ 07, sau khi hót hui bà Kh không có đóng hui chết, bà choàng hui thay cho bà Kh từ lần khui hui thứ 08 đến lần thứ 16 (mãn hui) là 08 lần x 5.000.000 đồng bằng 40.000.000 đồng.

Tổng cộng bà Kh nợ bà tiền hui choàng ở 02 dây hui số 03, 04 bằng 75.000.000 đồng, bà yêu cầu được cản trừ lại tiền hui bà Kh khởi kiện, sau khi cản trừ bà Kh còn phải trả lại cho bà bằng 22.250.000 đồng (75.000.000 đồng - 52.750.000 đồng), không yêu cầu tính lãi.

Đối với bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B và Thạch Hà Nhật T (do bà L làm đại diện): Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định

đưa vụ án ra xét xử, nhưng bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B và Thạch Hà Nhật T (do bà Hà Mộng L làm đại diện) không đến Tòa án tham gia tố tụng, bà L có nộp bản tự khai cho Tòa án, còn chị Thạch Nhung B và Thạch Hà Nhật T (do bà Hà Mộng L làm đại diện) không có ý kiến trình bày để phản bác nội dung khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có cung cấp tài liệu chứng cứ gồm: Danh sách hội viên (photo); chứng minh nhân dân tên Khia và sổ hộ khẩu (photo); Bị đơn không có cung cấp tài liệu chứng cứ.

Những vấn đề các bên đương sự thống nhất:

Bà Hà Mộng L thừa nhận bà Kh có tham gia đây hội số 26, loại hội 5.000.000 đồng, mở ngày 24/11/2019, hội đã khai đến lần thứ 11, bà Kh đóng hội sống bằng 17.680.000 đồng.

Những vấn đề các bên đương sự không thống nhất:

- Bà Thạch Thị Khia yêu cầu bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B và Thạch Hà Nhật T (do bà Hà Mộng L làm đại diện) cùng có trách nhiệm trả cho bà 11 lần hội sống đã đóng bằng 15.680.000 đồng (Loại hội 5.000.000 đồng, mở ngày 24/11/2019, đây hội số 26), không yêu cầu tính lãi.

- Bà Hà Mộng L yêu cầu bà Thạch Thị Kh trả 02 đây hội choàng bằng 75.000.000 đồng, bà đồng ý căn trừ vào tiền hội bà Kh khởi kiện.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng nhiệm vụ, quyền hạn và tuân thủ đúng trình tự, thủ tục giải quyết vụ án dân sự theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Riêng bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B và Thạch Hà Nhật T (do bà Hà Mộng L làm đại diện) chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật còn vắng mặt tại các phiên hòa giải và phiên tòa.

Về nội dung vụ án: Sau khi tóm tắt nội dung vụ án Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Kh.

2. Buộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Thạch Ma N (đã chết) gồm: Bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B và Thạch Hà Nhật T (do bà Hà Mộng L làm đại diện, trong phạm vi tài sản của ông Thạch Ma N chết để lại) cùng với bà Hà Mộng L có nghĩa vụ trả cho bà Thạch Thị Kh 11 lần hội sống đã đóng bằng 15.560.000 đồng (Loại hội 5.000.000 đồng, mở ngày 24/11/2019, đây hội số 26). Bà Thạch Thị Kh không yêu cầu tính lãi.

3. Về án phí đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Thạch Ma N (đã chết), Tòa án đưa những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Thạch Ma N gồm: Bà Hà Mộng L (đồng thời là bị đơn), chị Thạch Nhung B và Thạch Hà Nhật T (*do bà Hà Mộng L làm đại diện*) tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 74 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Cha mẹ ông Thạch Ma N đã chết.

Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự về góp hui và thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại; Bị đơn ông Thạch Ma N (đã chết), bà Hà Mộng L cư trú tại huyện Tiểu Cần theo quy định tại Điều 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần; Bị đơn không có yêu cầu phản tố.

Bà Thạch Thị Kh có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

Bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B và Thạch Hà Nhật T (*do bà L làm đại diện*) trong quá trình giải quyết vụ án đều vắng mặt, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:* Bà Thạch Thị Kh yêu cầu bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B và Thạch Hà Nhật T (*do bà Hà Mộng L làm đại diện*) trả cho bà 11 lần hui sống đã đóng bằng 17.680.000 đồng, bà Kh thừa nhận sau khi úp hui bà L có trả cho bà bằng 2.000.000 đồng, bà đồng ý căn trừ vào tiền hui bà khởi kiện, sau khi căn trừ số tiền còn lại bà yêu cầu bằng 15.680.000 đồng (Loại hui 5.000.000 đồng, mở ngày 24/11/2019, dây hui số 26). Bà Kh không yêu cầu tính lãi.

[3] Bà Hà Mộng L có lời khai thừa nhận bà Kh có tham gia dây hui số 26, hui đã khai đến lần thứ 11 và bà Kh đóng hui sống tổng cộng bằng 17.680.000 đồng và 03 dây hui số 29, 67, 69 mà Tòa án đang thụ lý, tổng cộng bà L nợ bà Kh bằng 52.750.000 đồng. Ngoài các dây hui bà Kh khởi kiện, bà Kh còn tham gia của bà L 02 dây hui, cụ thể: *Dây hui số 03*, mở ngày 12/3/2015, loại hui 5.000.000 đồng, hui vụ, bà Kh hót hui ở lần thứ 07, sau khi hót hui bà Kh không có đóng hui chết, bà choàng hui thay cho bà Kh từ lần khai hui thứ 08 đến lần thứ 15 (mãn hui) là 07 lần x 5.000.000 đồng bằng 35.000.000 đồng và *dây hui số 04*, mở ngày 12/3/2014, loại hui 5.000.000 đồng, hui vụ, bà Kh hót hui ở lần thứ 07, sau khi hót hui bà Kh không có đóng hui chết, bà choàng hui thay cho bà Kh từ lần khai hui thứ 08 đến lần thứ 16 (mãn hui) là 08 lần x 5.000.000 đồng bằng 40.000.000 đồng, tổng cộng bà Kh nợ bà bằng 75.000.000 đồng, bà yêu cầu căn trừ vào tiền hui bà Kh khởi kiện bà.

[4] Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 6 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 “*Đương sự có quyền và nghĩa vụ chủ động thu thập, giao nộp chứng cứ cho Tòa án và chứng minh cho yêu cầu của mình là có căn cứ và hợp pháp*” và theo quy định tại khoản 2 Điều 91 của Bộ luật Tố tụng dân sự “*Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó*”. Quá trình giải quyết bà L có ý kiến phản đối lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bà và ngày 13/3/2023, Tòa án có ban hành

Thông báo yêu cầu bà L, chị Bình và Nhật Tân (*do bà L làm đại diện*) làm đơn phản tố theo yêu cầu của mình, đã hết thời hạn đã ấn định mà đương sự không thực hiện, cho nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Xét thấy, mặc dù ông Ma Na không trực tiếp giao dịch tiền hui với bà Thạch Thị Kh ở các dây hui trên, nhưng giao dịch góp hui của bà L (chủ hui) với hui viên diễn ra trong thời kỳ hôn nhân giữa bà L và ông Ma N, ông Ma Na biết việc bà L làm chủ hui nhưng không có phản đối, cho nên Hội đồng xét xử xác định số nợ trên là nợ chung của bà L và ông Ma N. Do đó bà L có trách nhiệm trả cho bà Kh $\frac{1}{2}$ số nợ, $\frac{1}{2}$ số nợ còn lại là của ông Ma Na, do ông Ma Na đã chết nên những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Ma Na là bà L, chị Bình và Nhật Tân (*do bà L làm đại diện*) có trách nhiệm trả cho bà Kh trong phạm vi tài sản của ông Ma Na chết để lại.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, do bà Kh không có yêu cầu tính lãi nên không xem xét.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

- Buộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Thạch Ma N (đã chết) gồm: Bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B và Thạch Hà Nhật T (*do bà Hà Mộng L làm đại diện, trong phạm vi tài sản của ông Thạch Ma N chết để lại*) cùng với bà Hà Mộng L, phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn bà Thạch Thị Kh không phải chịu án phí.

[7] Xét thấy, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ theo quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, các Điều 39, 74, 91, 92, 147, 227, 228, 273, 280, 615 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 357, 471 Bộ luật Dân sự;

Áp dụng các Điều 27, 37 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hui biểu phùng;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Thạch Thị Kh.

2. Buộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Thạch Ma N (đã chết) gồm: Bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B và Thạch Hà Nhật T (*do bà Hà Mộng L làm đại diện, trong phạm vi tài sản của ông Thạch Ma N chết để lại*) cùng với bà Hà Mộng L có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Thạch Thị Kh 11 lần hui sống đóng bằng 15.560.000 đồng (Loại hui 5.000.000 đồng, mở ngày 24/11/2019, dây hui số 26). Bà Thạch Thị Kh không yêu cầu tính lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày đơn

yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu thêm cho bên được thi hành án khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

3.1. Buộc hàng thừa kế thứ nhất của ông Thạch Ma N (đã chết) gồm: Bà Hà Mộng L, chị Thạch Nhung B và Thạch Hà Nhật T (do bà Hà Mộng L làm đại diện, trong phạm vi tài sản của ông Thạch Ma N chết để lại) cùng với bà Hà Mộng L phải chịu 778.000 đồng án phí.

3.2. Bà Thạch Thị Kh không phải chịu án phí; Hoàn trả số tiền 442.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0011477 ngày 12-10-2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh trả lại cho bà Thạch Thị Kh.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- Chi cục THADS huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Dương Thị Mỹ Chấm